BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 155 /QĐ-ĐHGTVT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ điểm thi và kết quả duyệt điểm trúng tuyển ngày 16/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Sau Đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 128 thí sinh (danh sách kèm theo) trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bổ sung đợt 2 năm 2019, thi tuyển các ngày 28 và 29/12/2019.

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học vào ngày 10/02/2020.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: HCTH, KT&ĐBCLĐT, ĐTSĐH, TCKT, K.CT, K.CNTT, K.Đ-ĐT, K.VT-KT, PH tại TP.HCM và thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, KTĐBCLĐT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ BỔ SUNG ĐỢT 2 NĂM 2019 (K27.2)

Thi tuyển các ngày 21 và 22/9/2019

(Kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/01/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
I. Tại Hà Nội:											
1	3302	Đỗ Đức Anh	Nam	13/06/1996	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	50,00	5,00	9,50	14,50	
2	3303	Vũ Tuấn Anh	Nam	30/12/1979	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	76,00	7,00	6,00	13,00	
3	3304	Phạm Văn Cương	Nam	16/02/1990	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	87,00	7,00	6,00	13,00	
4	3305	Lê Hữu Cường	Nam	06/05/1993	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	74,00	7,00	8,50	15,50	
5	3306	Lưu Hùng Cường	Nam	13/09/1982	Yên Bái	Kỹ thuật xây dựng CTGT	85,00	8,00	9,50	17,50	
6	3307	Lê Thanh Dương	Nam	11/10/1975	Hà Tĩnh	Kỹ thuật xây dựng CTGT	68,00	7,00	8,50	15,50	
7	3308	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	03/04/1976	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng CTGT	93,00	7,00	9,00	16,00	
8	3309	Chu Long Hải	Nam	17/10/1996	Quảng Ninh	Kỹ thuật xây dựng CTGT	MT	7,00	5,50	12,50	
9	3310	Phùng Duy Hải	Nam	13/12/1989	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	91,00	8,00	9,00	17,00	
10	3311	Hoàng Đình Hạnh	Nam	23/08/1989	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng CTGT	81,00	7,00	6,50	13,50	
11	3312	Lương Văn Hân	Nam	26/06/1988	Hưng Yên	Kỹ thuật xây dựng CTGT	85,00	6,00	9,00	15,00	
12	3313	Đặng Hoàng Hiệp	Nam	03/02/1980	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	84,00	7,00	9,50	16,50	
13	3314	Lê Thanh Hoàng	Nam	05/10/1992	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng CTGT	87,00	7,00	9,50	16,50	
14	3315	Đào Xuân Huy	Nam	08/07/1986	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng CTGT	73,00	7,00	9,50	16,50	
15	3316	Hoàng Xuân Long	Nam	01/11/1984	Nghệ An	Kỹ thuật xây dựng CTGT	89,00	7,00	9,50	16,50	
16	3317	Nguyễn Tiến Lực	Nam	15/10/1985	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	79,00	7,00	7,50	14,50	
17	3318	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	25/02/1986	Hải Dương	Kỹ thuật xây dựng CTGT	77,00	7,00	8,50	15,50	
18	3319	Cao Anh Phong	Nam	23/11/1990	Hưng Yên	Kỹ thuật xây dựng CTGT	79,00	7,00	9,00	16,00	
19	3320	Đinh Quang Phú	Nam	14/10/1993	Gia Lai	Kỹ thuật xây dựng CTGT	92,00	7,00	9,00	16,00	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
20	3321	Lê Thị Liên Phương	Nữ	19/12/1981	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	73,00	7,00	8,75	15,75	
21	3322	Phạm Minh Quang	Nam	23/12/1991	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	75,00	7,00	8,00	15,00	
22	3323	Phạm Văn Sơn	Nam	08/05/1980	Điện Biên	Kỹ thuật xây dựng CTGT	80,00	7,00	9,00	16,00	
23	3324	Nguyễn Văn Thành	Nam	03/12/1986	Nam Định	Kỹ thuật xây dựng CTGT	89,00	7,50	8,50	16,00	
24	3325	Nguyễn Văn Thuật	Nam	10/01/1994	Hà Nam	Kỹ thuật xây dựng CTGT	75,00	7,00	8,50	15,50	
25	3326	Nguyễn Ngọc Tiên	Nam	08/11/1977	Nam Định	Kỹ thuật xây dựng CTGT	81,00	6,50	7,00	13,50	
26	3328	Phạm Văn Toàn	Nam	25/06/1979	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	83,00	7,00	8,50	15,50	Chuyên sâu: Địa kỹ thuật CTGT
27	3329	Lê Quốc Trọng	Nam	26/09/1991	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	76,00	7,00	9,00	16,00	
28	3330	Phạm Văn Trường	Nam	09/04/1981	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	87,00	6,50	9,00	15,50	
29	3331	Tống Anh Tuấn	Nam	26/06/1987	Nam Định	Kỹ thuật xây dựng CTGT	79,00	7,50	8,00	15,50	
30	3332	Trần Huy Tuấn	Nam	22/12/1979	Hà Nam	Kỹ thuật xây dựng CTGT	81,00	7,00	5,00	12,00	
31	3333	Lê Hồng Văn	Nam	10/06/1977	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	74,00	7,00	8,00	15,00	
32	3334	Vũ Xuân Vĩnh	Nam	12/01/1985	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng CTGT	81,00	7,00	7,50	14,50	
33	3335	Lâm Thị Xuân	Nữ	18/07/1983	Ninh Bình	Kỹ thuật xây dựng CTGT	74,00	7,00	8,50	15,50	
34	3336	Nguyễn Việt Dũng	Nam	27/04/1993	Hà Tĩnh	Kỹ thuật cơ khí động lực	60,00	7,00	7,25	14,25	
35	3337	Trịnh Bình Dương	Nam	08/09/1984	Hưng Yên	Kỹ thuật cơ khí động lực	62,00	7,00	7,75	14,75	
36	3338	Trần Hà Đăng	Nam	25/10/1995	Hải Phòng	Kỹ thuật cơ khí động lực	76,00	7,00	7,50	14,50	
37	3339	Nguyễn Hữu Hảo	Nam	02/05/1984	Thái Bình	Kỹ thuật cơ khí động lực	80,00	7,00	7,75	14,75	
38	3340	Nguyễn Văn Huy	Nam	02/09/1977	Nghệ An	Kỹ thuật cơ khí động lực	76,00	7,00	6,25	13,25	
39	3341	Phạm Đức Long	Nam	12/02/1976	Phú Thọ	Kỹ thuật cơ khí động lực	59,00	7,50	7,75	15,25	
40	3342	Nguyễn Trung Cường	Nam	01/06/1996	Hải Dương	Công nghệ thông tin	55,00	7,50	8,00	15,50	
41	3343	Trần Thanh Hóa	Nam	06/04/1996	Thái Bình	Công nghệ thông tin	83,00	7,50	7,50	15,00	
42	3344	Đàm Đình Kiên	Nam	08/09/1984	Hà Nội	Công nghệ thông tin	MT	7,50	7,50	15,00	
43	3345	Đinh Công Tùng	Nam	26/09/1997	Hà Nội	Công nghệ thông tin	78,00	7,50	8,00	15,50	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
44	3346	Đặng Sơn Tùng	Nam	29/03/1997	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật điều khiển & TĐH	59,00	7,50	7,00	14,50	
45	3347	Vũ Văn Bằng	Nam	20/10/1977	Yên Bái	Tổ chức và quản lý vận tải	54,00	7,50	6,25	13,75	
46	3348	Nguyễn Thế Anh	Nam	19/06/1980	Ninh Bình	Quản lý xây dựng	54,00	7,50	8,50	16,00	
47	3349	Phạm Đức Hiền	Nam	09/09/1980	Hà Nội	Quản lý xây dựng	56,00	7,50	8,00	15,50	
48	3350	Nguyễn Hoàng Hiệp	Nam	30/12/1996	Phú Thọ	Quản lý xây dựng	80,00	7,50	9,00	16,50	
49	3351	Đỗ Mạnh Hoàng	Nam	23/12/1983	Ninh Thuận	Quản lý xây dựng	55,00	7,50	8,00	15,50	
50	3352	Phạm Thanh Hùng	Nam	23/03/1979	Nam Định	Quản lý xây dựng	65,00	7,50	9,00	16,50	
51	3353	Nguyễn Thành Long	Nam	20/07/1984	Quảng Ninh	Quản lý xây dựng	80,00	7,50	9,00	16,50	
52	3354	Tống Đức Long	Nam	12/05/1977	Ninh Bình	Quản lý xây dựng	MT	7,50	7,50	15,00	
53	3355	Nguyễn Thị Thúy Na	Nữ	31/10/1984	Hà Nội	Quản lý xây dựng	78,00	7,50	9,00	16,50	
54	3356	Lê Văn Phúc	Nam	30/08/1987	Hà Tĩnh	Quản lý xây dựng	82,00	7,50	8,00	15,50	
55	3357	Phạm Văn Tài	Nam	04/04/1979	Nam Định	Quản lý xây dựng	74,00	7,50	7,50	15,00	
56	3358	Lê Văn Thi	Nam	12/12/1979	Thái Nguyên	Quản lý xây dựng	63,00	7,50	8,50	16,00	
57	3359	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	08/10/1978	Khánh Hòa	Quản lý xây dựng	83,00	7,50	8,50	16,00	
58	3360	Phan Thị Huyền Trang	Nữ	25/10/1996	Nam Định	Quản lý xây dựng	79,00	7,50	9,00	16,50	
59	3361	Nguyễn Quý Trọng	Nam	04/10/1984	Hà Nội	Quản lý xây dựng	80,00	7,50	9,00	16,50	
60	3362	Nguyễn Văn Trọng	Nam	29/12/1996	Yên Bái	Quản lý xây dựng	81,00	7,50	8,50	16,00	
61	3363	Phạm Công Trọng	Nam	10/10/1985	Thái Bình	Quản lý xây dựng	72,00	7,50	8,50	16,00	
62	3364	Nguyễn Hữu Việt	Nam	06/11/1991	Vĩnh Phúc	Quản lý xây dựng	74,00	7,50	8,50	16,00	
63	3365	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	09/04/1994	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	79,00	7,00	9,00	16,00	
64	3366	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	Nam	15/10/1995	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	63,00	8,50	8,75	17,25	
65	3367	Trần Thị Lệ Hằng	Nữ	12/03/1984	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	69,00	8,00	9,00	17,00	
66	3368	Lê Thị Ngọc	Nữ	20/10/1980	Nam Định	Quản trị kinh doanh	81,00	8,00	8,75	16,75	
67	3369	Vũ Thùy Trang	Nữ	14/02/1979	Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	75,00	8,00	8,50	16,50	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
68	3370	Nguyễn Quốc Cường	Nam	11/12/1988	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế	77,00	8,00	9,25	17,25	
69	3371	Vũ Hồng Cường	Nam	08/02/1982	Lai Châu	Quản lý kinh tế	86,00	8,50	7,75	16,25	
70	3372	Đặng Trung Dũng	Nam	28/06/1984	Lai Châu	Quản lý kinh tế	87,00	8,50	9,50	18,00	
71	3373	Điêu Tiến Dương	Nam	12/10/1972	Điện Biên	Quản lý kinh tế	73,00	7,50	7,50	15,00	
72	3374	Vũ Thái Dương	Nam	06/06/1973	Lai Châu	Quản lý kinh tế	83,00	9,00	7,00	16,00	
73	3375	Nguyễn Xuân Đà	Nam	01/05/1977	Hải Dương	Quản lý kinh tế	78,00	8,00	7,50	15,50	
74	3376	Trần Nam Hà	Nam	24/09/1973	Hà Tĩnh	Quản lý kinh tế	83,00	7,00	8,00	15,00	
75	3377	Nguyễn Văn Hải	Nam	28/12/1972	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế	74,00	7,50	8,50	16,00	
76	3378	Trần Viết Hiển	Nam	28/10/1982	Thái Bình	Quản lý kinh tế	90,00	8,00	7,75	15,75	
77	3379	Lê Thị Hợi	Nữ	03/02/1983	Thái Bình	Quản lý kinh tế	78,00	8,00	9,00	17,00	
78	3380	Lê Xuân Hùng	Nam	20/05/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	78,00	8,00	8,25	16,25	
79	3381	Nguyễn Đắc Hùng	Nam	29/11/1987	Hà Nội	Quản lý kinh tế	85,00	8,00	8,75	16,75	
80	3382	Nguyễn Văn Hùng	Nam	17/06/1971	Lai Châu	Quản lý kinh tế	80,00	8,00	8,25	16,25	
81	3383	Bùi Quốc Huy	Nam	13/07/1970	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	79,00	7,50	8,25	15,75	
82	3384	Trương Cao Huy	Nam	20/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế	78,00	7,50	8,75	16,25	
83	3385	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	01/12/1986	Bình Phước	Quản lý kinh tế	72,00	8,00	8,75	16,75	
84	3386	Đỗ Đăng Khoa	Nam	01/09/1985	Lai Châu	Quản lý kinh tế	79,00	8,00	9,00	17,00	
85	3387	Nguyễn Đức Kiển	Nam	06/03/1979	Thái Bình	Quản lý kinh tế	72,00	8,00	8,50	16,50	
86	3388	Phạm Gia Lộc	Nam	07/05/1978	Hà Nội	Quản lý kinh tế	81,00	6,50	6,00	12,50	
87	3389	Trương Thành Nam	Nam	28/11/1983	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	80,00	7,00	9,25	16,25	
88	3391	Hà Hùng Phong	Nam	05/10/1975	Lai Châu	Quản lý kinh tế	78,00	8,00	8,00	16,00	
89	3392	Mai Khắc Phượng	Nam	18/09/1967	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	69,00	8,00	8,00	16,00	
90	3393	Hoàng Tiến Quý	Nam	25/11/1983	Vĩnh Phúc	Quản lý kinh tế	69,00	8,00	7,50	15,50	
91	3394	Hà Huy Thái	Nam	31/07/1987	Lai Châu	Quản lý kinh tế	84,00	8,00	8,75	16,75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
92	3395	Hồ Tấn Thành	Nam	22/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế	77,00	7,00	8,75	15,75	
93	3396	Nguyễn Đại Thành	Nam	19/09/1986	Lai Châu	Quản lý kinh tế	71,00	7,00	8,25	15,25	
94	3397	Bùi Xuân Thủy	Nam	25/06/1985	Lai Châu	Quản lý kinh tế	79,00	8,00	8,75	16,75	
95	3398	Nguyễn Vinh Khánh Toàn	Nam	27/02/1981	Khánh Hòa	Quản lý kinh tế	81,00	7,00	9,00	16,00	
96	3399	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	09/11/1989	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	82,00	7,00	8,50	15,50	
97	3400	Nguyễn Hải Trung	Nam	15/10/1983	Thái Bình	Quản lý kinh tế	84,00	8,00	8,75	16,75	
98	3401	Nguyễn Quý Tuấn	Nam	07/08/1978	Hà Nội	Quản lý kinh tế	78,00	6,50	7,75	14,25	
99	3402	Lương Ánh Tuyết	Nữ	29/09/1984	Hưng Yên	Quản lý kinh tế	92,00	8,00	9,50	17,50	
100	3403	Hoàng Quốc Việt	Nam	01/06/1984	Lai Châu	Quản lý kinh tế	75,00	8,00	8,50	16,50	
101	3404	Lê Thị Yến	Nữ	15/02/1978	Bình Định	Quản lý kinh tế	80,00	8,00	9,00	17,00	
II. Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh:											
1	8001	Phùng Văn Chính	Nam	14/11/1979	Hà Tây	Quản lý xây dựng	79,00	7,00	8,50	15,50	
2	8002	Lê Việt Dũng	Nam	07/12/1990	Hải Dương	Quản lý xây dựng	78,00	7,00	9,00	16,00	
3	8003	Ngô An Hạ	Nam	26/12/1977	Long An	Quản lý xây dựng	80,00	7,00	7,00	14,00	
4	8004	Trần Trí Huệ	Nam	15/02/1990	An Giang	Quản lý xây dựng	89,00	7,00	8,50	15,50	
5	8005	Nguyễn Hoàng Hưng	Nam	25/08/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	81,00	6,00	7,50	13,50	
6	8006	Vũ Trần Lâm	Nam	09/04/1980	Hà Tuyên	Quản lý xây dựng	83,00	7,00	8,50	15,50	
7	8007	Trần Nguyễn Tường Linh	Nữ	27/05/1996	Bình Định	Quản lý xây dựng	89,00	7,00	8,00	15,00	
8	8008	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	14/04/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	89,00	7,00	9,00	16,00	
9	8009	Nguyễn Viết Long	Nam	04/07/1989	Quảng Ninh	Quản lý xây dựng	78,00	7,00	8,50	15,50	
10	8010	Phạm Tuấn Mạnh	Nam	29/06/1990	Thái Bình	Quản lý xây dựng	86,00	7,00	9,00	16,00	
11	8011	Phạm Lê Hoàng Phúc	Nam	13/04/1995	Long An	Quản lý xây dựng	73,00	7,00	6,00	13,00	
12	8012	Phạm Hồng Quân	Nam	06/05/1986	Hải Dương	Quản lý xây dựng	84,00	7,00	8,00	15,00	
13	8013	Nguyễn Đình Thắng	Nam	08/05/1994	Bình Thuận	Quản lý xây dựng	74,00	7,00	7,50	14,50	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đăng ký dự thi	Điểm Tiếng Anh (1)	Điểm Toán (2)	Điểm Chủ chốt (3)	Điểm tổng (2)+(3)	Ghi chú
14	8014	Dương Phước Thiên	Nam	11/08/1995	Trà Vinh	Quản lý xây dựng	79,00	7,00	7,50	14,50	
15	8015	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	08/02/1992	Hà Tĩnh	Quản lý xây dựng	88,00	7,00	8,00	15,00	
16	8016	Võ Ngọc Thùy Trang	Nữ	26/08/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	87,00	7,00	8,00	15,00	
17	8017	Trần Văn Tuấn	Nam	27/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	82,00	7,00	6,00	13,00	
18	8018	Phạm Thanh Tùng	Nam	02/06/1994	Bình Định	Quản lý xây dựng	86,00	7,00	6,00	13,00	
19	8019	Huỳnh Văn Vi	Nam	25/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	88,00	7,00	8,50	15,50	
20	8020	Lê Hoàng Thảo Anh	Nữ	15/07/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	90,00	8,50	8,25	16,75	
21	8021	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	17/02/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	83,00	8,00	8,50	16,50	
22	8022	Nguyễn Phạm Hồng Hạnh	Nữ	22/08/1990	Lâm Đồng	Quản trị kinh doanh	89,00	8,00	8,25	16,25	
23	8023	Nguyễn Ngọc Vân Hương	Nữ	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	91,00	8,00	8,25	16,25	
24	8024	Phan Nguyên Lộc	Nam	30/03/1984	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	72,00	7,50	8,50	16,00	
25	8025	Trần Văn Nam	Nam	06/03/1986	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	83,00	8,50	8,00	16,50	
26	8026	Nguyễn Mạnh Phúc	Nam	02/10/1985	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	82,00	8,00	8,75	16,75	
27	8027	Dư Thị Lệ Thủy	Nữ	17/08/1987	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	86,00	8,00	8,50	16,50	

Danh sách có 128 thí sinh. Trong đó:

- Hà Nội: 101 thí sinh;
- PH tại TP.HCM: 27 thí sinh./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long